TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG NGUYÊN** **TỈNH NGHỆ AN** Số: 17/2019/HNGĐ-ST Ngày 01 - 11 - 2019 V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG NGUYÊN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Quốc Tú;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Việt Thương;

2. Ông Lê Đường;

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Oanh, cán bộ Toà án nhân dân huyện Hưng Nguyên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyên tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 139/2019/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đ T N; Sinh năm: 1997;

Địa chỉ: Thôn Đ P, x Đ N, h K N, t Đ N(Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh L V B; Sinh năm: 1989;

Địa chỉ: X 2, x H L, h H N, t N A(Vắng mặt- Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 09 tháng 9 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án *nguyên đơn chị Đ T N trình bày:*

Chị Đ T N và anh L V B kết hôn với nhau ngày 23 tháng 11 năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không có sự ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng có thời

gian chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, sống không hòa thuận, mâu thuẫn anh chị có trao đổi bàn bạc và nhẫn nhịn nhưng vẫn không được cải thiện và ngày càng trầm trọng hơn. Chị N và anh B đã có thời gian sống ly thân 4 năm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Đ T N viết đơn xin ly hôn với anh L V B để giải phóng cho nhau.Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung có tên là L T A N. Sinh ngày 25 tháng 02 năm 2015. Nay ly hôn nguyện vọng của chị N là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh anh L V B cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và các khoản nợ: Chị Đ T N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04 tháng 10 năm 2019 bị đơn anh L V B xác nhận và trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và con chung đúng như chị Đ T N trình bày. Nay chị Đ T N yêu cầu ly hôn, anh hoàn toàn đồng ý. Anh B có nguyện vọng nhường quyền nuôi con cho chị Đ T N. Về tài sản và các khoản nợ*:* Anh L V B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên Tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với bị đơn, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các bên không hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng theo quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 177, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, cho chị Đ T N được ly hôn anh L V B. Giao con chung cho chị Đ T N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, và giáo dục đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L V B. Buộc Nguyên đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn là anh L V B có hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại xóm 2, xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản nhiều lần cho bị đơn là anh L V B nhưng anh B không có yêu cầu phản tố và có đơn yêu cầu không hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật. Chị N và anh B có đơn xin xét xử vắng mặt nên áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh B.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đ T N và anh L V B có đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 11 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8 luật Hôn nhân và gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Qua lời khai của chị N, anh B và qua kết quả xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn của chị Đ T N và anh L V B đã đến mức trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Đ T N được ly hôn anh L V B như đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay.

[3]. *Về con chung:* Nguyên đơn có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Bị đơn có nguyện vọng nhường quyền nuôi con cho Nguyên đơn.

Xét yêu cầu của các đương: Mong muốn được trực tiếp nuôi con của chị N là chính đáng, Chị N có công ăn việc làm và chỗ ở ổn định. Từ trước đến nay cháu L T A N vẫn ở cùng với chị N. Để tránh xáo trộn trong cuộc sống và học tập của cháu cần thiết giao con chung cho chị Đ T N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của Hai bên đương sự.

Nguyên đơn chị Đ T N không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L V B.

[4]. *Tài sản và các khoản nợ:* Chị Đ T N và anh L V B không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5].*Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc Nguyên đơn chị Đ T N phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 177, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đ T N được ly hôn anh L V B.

Về con chung: Giao con chung tên là L T A N. Sinh ngày 25 tháng 02 năm 2015 cho chị Đ T N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi; Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L V B.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp anh L V B lạm dụng việc thăm nom con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì chị Đ T N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh B.

Trong trường hợp chị Đ T N không bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con thì anh L V B có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và phải tính đến nguyện vọng của con, nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Buộc chị Đ T N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Thi hành án Dân sự huyện Hưng Nguyên theo biên lai thu tiền số 0007381 ngày 09 tháng 9 năm 2019.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Hưng Nguyên;
- THA DS huyện Hưng Nguyên
- Đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Quốc Tú